

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/8/2025.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bành Trọng Bình

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Trần Dương Công– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025.

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn N, sinh năm 1984.

Cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện S (Nay là thôn A, xã E), tỉnh Đắk. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Hương G, sinh năm 1981.

Cư trú tại: Thôn X, thị trấn E, huyện S (Nay là thôn X, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đặng Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn N và chị Hoàng Thị Hương G sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình tình quan điểm sống không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau thời gian dài. Nay anh N và chị G không còn tình cảm nữa, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh N và chị G là vợ chồng.

- Về con chung: Anh N và chị G có 03 con chung là: Hoàng Ngọc H, sinh năm 2012, Hoàng Ngọc B, sinh năm 2016 và Hoàng Đặng Văn M, sinh năm 2019. Nguyên

vọng của anh N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai biên bản hòa giải và tại phiên tòa Bị đơn chị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh N sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình tình quan điểm sống không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, không có sự. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau thời gian dài. Nay vợ chồng không còn tình cảm nữa, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị G yêu cầu không công nhận chị G với anh N là vợ chồng.

- Về con chung: Chị G và anh N có 03 con chung là Hoàng Ngọc H, sinh năm 2012, Hoàng Ngọc B, sinh năm 2016 và Hoàng Đăng Văn M, sinh năm 2019. Nguyên vọng của chị G là giao cả 03 cháu cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị G và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận anh N và chị G là vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự công nhận của các đương sự về con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, công nợ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn anh Đặng Văn N và bị đơn chị Hoàng Thị Hương G là vụ kiện tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng, nuôi con chung, bị đơn chị G có nơi cư trú tại thôn X, xã E, tỉnh Đắk Lắk do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn N và chị Hoàng Thị Hương G tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh N và chị G đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định nhưng không thực hiện là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu của anh N yêu cầu không công nhận anh N và chị G là vợ chồng là phù hợp có căn cứ cần chấp nhận.

- Về con chung: Anh Đặng Văn N và chị Hoàng Thị Hương G thống nhất có 03 con chung là Hoàng Ngọc H Hoàng Ngọc B và Hoàng Đặng Văn M. Anh N và chị G thỏa thuận về nuôi con chung là: Giao cả 03 cháu Hoàng Ngọc H, sinh năm 2012, Hoàng Ngọc B, sinh năm 2016 và Hoàng Đặng Văn M, sinh năm 2019 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

- Về chia tài sản và công nợ: Anh N và chị G xác định về tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Anh Đặng Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 47 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Đặng Văn N, sinh năm 1984 và chị Hoàng Thị Hương G, sinh năm 1981 là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung là Hoàng Ngọc H, sinh năm 2012; Hoàng Ngọc B, sinh năm 2016 và Hoàng Đặng Văn M, sinh năm 2019 cho anh Đặng Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Hoàng Thị Hương G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị G được quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 - Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003823 ngày 15/4/2025.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk
- VKSND Khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thành Huế